

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

50 Tôn Thất Đạm, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 3.9141904 Fax: 3.9141910

-----*****-----

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 03/ 2014**

THÁNG 10/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	30/09/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.477.607.013.549	1.801.732.042.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		893.587.952.067	797.248.819.452
1. Tiền	111	V.01	363.235.622.547	565.778.819.452
2. Các khoản tương đương tiền			530.352.329.520	231.470.000.000
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	V.02	317.902.900.000	152.072.313.628
1. Đầu tư ngắn hạn	121		317.902.900.000	152.072.313.628
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		593.003.773.413	329.241.109.500
1. Phải thu khách hàng	131		290.715.131.536	111.089.524.530
2. Trả trước cho người bán	132		113.677.313.584	94.633.887.401
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	202.858.647.302	136.616.484.631
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi			(14.247.319.009)	(13.098.787.062)
IV. Hàng tồn kho	140		503.207.559.595	435.358.503.473
1. Hàng tồn kho	141	V.04	503.835.167.167	435.453.375.240
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(94.871.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.904.828.474	87.811.296.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.105.527.599	483.390.471
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.021.270.999	20.817.474.122
3. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	154		3.043.991.329	4.853.968.372
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		138.734.038.547	61.656.463.442
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.612.422.215.890	6.214.940.518.517
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.174.011.184.594	303.297.073.941
1. Phải thu dài hạn khách hàng			777.474.349.529	
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.05	396.536.835.065	303.297.073.941
II. Tài sản cố định	220		3.141.674.551.854	4.029.635.898.585

1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	75.220.956.732	75.738.729.326
- Nguyên giá	222		133.164.878.636	127.460.137.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.943.921.904)	(51.721.407.954)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	1.425.725.987.368	1.622.281.693.859
- Nguyên giá	228		1.838.140.763.896	1.830.507.229.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.414.776.528)	(208.225.535.790)
4. TSCĐ thuê tài chính	224		589.259.170	837.347.414
Nguyên giá	225		985.056.276	985.056.276
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(395.797.106)	(147.708.862)
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	1.640.138.348.584	2.330.778.127.986
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	236.334.622.882	225.410.202.171
- Nguyên giá	241		246.879.657.999	233.119.709.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.545.035.117)	(7.709.507.755)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	1.800.834.057.926	1.439.114.906.014
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		926.173.866.072	645.482.240.408
3. Đầu tư dài hạn khác	258		874.660.191.854	833.293.774.615
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	(39.661.109.009)
V. Tài sản dài hạn khác	260		189.648.397.244	135.755.522.638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	189.633.397.244	135.735.522.638
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	20.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		69.919.401.389	81.726.915.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.090.029.229.439	8.016.672.560.977

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	30/09/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.892.374.656.532	6.020.812.243.152
I. Nợ ngắn hạn	310		2.273.775.042.833	2.429.713.063.681
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	831.735.720.463	1.132.757.178.616
2. Phải trả người bán	312		298.587.445.436	404.184.609.024
3. Người mua trả tiền trước	313		825.800.057.744	624.030.633.844
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		36.047.692.519	53.119.169.949
5. Phải trả người lao động	315		5.763.086.104	7.768.386.459

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	30/09/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
6. Chi phí phải trả	316		17.375.539.394	14.366.648.623
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	204.853.030.922	126.780.763.705
10. Dự phòng khoản phải trả			48.534.083.235	48.534.083.235
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.078.387.016	18.171.590.226
II. Nợ dài hạn	330		4.618.599.613.699	3.591.099.179.471
3. Phải trả dài hạn khác	333		11.112.068.028	7.414.183.134
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	4.606.724.687.183	3.582.700.764.061
5. Doanh thu chưa thực hiện			762.858.488	984.232.276
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.764.210.061.795	1.631.242.124.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	1.764.210.061.795	1.631.242.124.580
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.155.270.000.000	1.128.615.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		105.309.914.261	105.309.914.261
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		803.930.598	170.383.450
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		100.897.192.500	96.593.566.864
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		401.929.024.436	300.553.260.105
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		433.444.511.112	364.618.193.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		9.090.029.229.439	8.016.672.560.977

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
Ngoại tệ các loại				
+ USD			2.187,90	2.195,65

TPHCM, Ngày 29 tháng 10 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Signature

Signature



NG.T.MAI HƯƠNG

LÊ QUỐC BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	222.944.367.772	397.600.956.941	1.651.408.122.463	570.228.885.837
2. Các khoản giảm trừ	2		5.248.986.726	6.200.206.343	13.965.815.238	7.129.822.009
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		217.695.381.046	391.400.750.598	1.637.442.307.225	563.099.063.828
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	94.391.717.756	136.775.357.160	1.258.623.318.573	202.485.942.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		123.303.663.290	254.625.393.438	378.818.988.652	360.613.121.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	108.538.709.806	93.261.437.392	267.789.617.389	228.783.024.031
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39.409.425.265	101.661.968.879	155.475.626.574	208.333.365.152
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>40.973.785.123</i>	<i>54.173.929.492</i>	<i>155.325.909.165</i>	<i>125.342.982.104</i>
8. Chi phí bán hàng	24		58.635.981.392	155.751.516.444	161.276.428.858	212.199.685.240
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.994.399.227	11.465.381.041	45.516.998.081	46.652.591.630
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		117.802.567.212	79.007.964.466	284.339.552.528	122.210.503.809

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
11. Thu nhập khác	31		599.449.120	4.944.161.335	1.335.384.165	5.993.282.212
12. Chi phí khác	32		71.962.400	2.580.914.306	5.437.871.589	3.010.336.742
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		527.486.720	2.363.247.029	(4.102.487.424)	2.982.945.470
14 Phải lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(13.294.198.898)	(8.825.317.138)	46.499.310.027	(63.822.472.617)
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		105.035.855.034	72.545.894.357	326.736.375.131	61.370.976.662
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	23.313.343.586	10.311.837.737	48.233.953.379	30.396.381.569
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		81.722.511.448	62.234.056.620	278.502.421.752	30.974.595.093
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		10.857.273.546	10.001.842.999	33.827.237.667	20.530.155.523
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		70.865.237.902	52.232.213.621	244.675.184.085	10.444.439.570
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		626	463	2.165	93

Người lập

Sylia

Kế toán trưởng

Sylia

NG.T.MAI HƯƠNG

TP. HCM, ngày 23 tháng 10 năm 2014



Tổng Giám đốc

Lê Quốc Bình

LÊ QUỐC BÌNH

CTY CP ĐT HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B 03a - DN/HN(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 và sửa đổi, bổ sung theo TT
244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014		Đơn vị tính: VNĐ	
Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	966.099.382.755	452.826.605.979
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(639.608.475.829)	(277.443.048.466)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.187.231.726)	(53.219.186.132)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(230.915.264.591)	(208.291.213.484)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(49.643.540.639)	(80.622.021.926)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	627.839.425.091	742.871.736.577
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(671.006.741.602)	(451.674.116.176)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(53.422.446.541)	124.448.756.372
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(334.343.571.594)	(742.210.106.202)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	312.125.480.504	403.480.857.918
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(854.734.300.000)	(523.931.223.002)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	980.346.516.889	307.222.793.261
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(757.756.761.546)	(153.466.440.222)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	149.493.176.614	470.422.395.809
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.686.175.341	145.862.006.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(470.183.283.792)	(92.619.715.669)

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	147.061.930.000	47.995.180.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN	32	(5.398.968.518)	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.450.571.184.844	1.993.649.183.226
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.827.713.483.938)	(1.603.257.768.253)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(262.077.996)	(222.022.917)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(144.314.005.580)	(8.573.347.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	619.944.578.812	429.591.224.298
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ (20+30+40)	50	96.338.848.479	461.420.265.001
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ(*)	60	797.248.819.452	442.112.016.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	284.136	44.256.923
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	893.587.952.067	903.576.538.241

Người lập



Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TPHCM, ngày 29 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc





LÊ QUỐC BÌNH

CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

ĐIẠ CHỈ: 50 TÔN THẤT ĐẠM, Q1, TP.HCM

Mẫu số B 09a - DNHN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006, sửa đổi bổ sung theo TT
244/2004/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài
chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 04 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty là 1.155,93 tỷ đồng, được chia thành 115.593 ngàn cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 128

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, Công ty có 7 (bảy) công ty con và 02 cty TNHH MTV 100% vốn CII với các ngành nghề kinh doanh, hoạt động chính cụ thể như dưới đây.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty mẹ là:

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng-kinh doanh- chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng- chuyển giao (BT);
- Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở, để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ thu phí giao thông
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
- Xây dựng Công trình dân dụng, Công trình Công nghiệp, Công trình giao thông, Công trình đường ống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng.
- Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ.
- Kinh doanh nhà vệ sinh Công cộng, nhà vệ sinh lưu động, thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và rửa xe ô tô, xe gắn máy. Cung cấp nước sạch
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt.
- Cho thuê kho bãi

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của các Công ty con là:

- + Công ty CP Đầu tư & Phát triển XD Ninh Thuận

- Xây dựng : nhà các loại; công trình đường sắt và đường bộ; công trình công ích; công trình kỹ thuật dân dụng khác.

- Chuẩn bị mặt bằng.

- Lắp đặt : hệ thống điện; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống xây dựng khác.

- Hoàn thiện công trình xây dựng.

+ Công ty CP Đầu tư & XD cầu đường Bình Triệu

- Khai thác , xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)

- Xây dựng nhà các loại . Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng .

- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước .Lắp đặt hệ thống xây dựng (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn ; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở.

- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;

- Kinh doanh bất động sản

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ

- Xây dựng cao ốc văn phòng

- Kinh doanh bất động sản

+ Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Xa lộ Hà nội

- Khai thác , xử lý và cung cấp nước

- Xây dựng nhà các loại . Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác.

- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xây dựng.

- Kinh doanh bất động sản

+ Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CH (tên cũ:CP Cơ khí điện Lữ gia)

- SXKD sản phẩm cơ khí điện chiếu sáng công cộng, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng

+ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài gòn

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

- Xây dựng nhà các loại . Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác .

- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

+ Công ty CP E&C (tên cũ: là 565)

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng (B.O.T)
- Xây dựng: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, thủy điện, điện;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát công trình xây dựng);
- Sản xuất: vật liệu, xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sửa chữa phương tiện thiết bị thi công, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác ...
- Lập dự án đầu tư, đấu thầu, lập dự toán, tổng dự toán công trình.

+Công ty TNHH Một thành viên BOT Tỉnh Ninh Thuận

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - chi tiết XD công trình giao thông theo hình thức Hợp đồng B.O.T
- Xây dựng hạ tầng khu công công nghiệp - dân cư

+Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hạ tầng

- Dịch vụ thu phí giao thông (thực hiện theo công văn 2032/UBND-ĐTMT ngày 03/5/13 của UBND TP HCM)

- Dịch vụ trông giữ xe.

- Bán buôn máy vi tính , thiết bị ngoại vi và phần mềm

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan

Chi tiết :

- Tư vấn , cung cấp các giải pháp công nghệ, lắp đặt thiết bị điều khiển và kết nối mạng các trạm điều khiển (trừ gia công cơ khí, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);

- Cung cấp và lắp đặt các giải pháp công nghệ quản lý bãi đậu xe (trừ gia công cơ khí, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, bổ sung, sửa đổi theo TT 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi / lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

* Tài sản cố định vô hình được hình thành từ dự án B.O.T (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao) như : dự án Cầu đường Bình Triệu 2, thu phí hoàn vốn đầu tư xây dựng mới Cầu Rạch Chiếc và thu phí hoàn vốn đầu tư xây dựng tuyến tránh Phan Rang-Tháp Chàm sẽ được khấu hao tài sản cố định theo tỷ trọng trên doanh thu hàng năm. Giá trị khấu hao của năm cuối cùng là toàn bộ giá trị còn lại của tài sản trong năm cuối cùng (theo công văn hướng dẫn của Bộ Tài Chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám Đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty Con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này . Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó .

Tại ngày 30/09/2014, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	69,19%	98,85%
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	90,00%	90,00%
Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	81,89%	89,98%
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	99,54%	99,54%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hạ tầng	100,00%	100,00%
Công ty CP đầu tư Cầu Đường CII	57,63%	57,63%
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100,00%	100,00%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%

Khoản đầu tư vào Công ty con (theo danh sách nêu trên) đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày 30/09/2014, Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	49,13%	49,13%
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	49%	49%
Công ty CP Hòa Phú	30%	30%
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil	36,38%	49,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	22,53%	22,53%
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	48,77%	48,77%
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	40,54%	49,57%
Cty Cp Đầu tư Nước Tân Hiệp	43,00%	43,00%
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	36,41%	36,41%

Khoản góp vốn đầu tư vào công ty liên kết Boo Đồng Tâm đã xác định chuyển nhượng nên được hợp nhất như một khoản đầu tư vào công ty này

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 2 đến 3 năm .

Dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về cổ tức, lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

<i>Tiền và các khoản tương đương tiền:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	8.348.918.029	8.601.164.327
- Tiền gửi ngân hàng	354.886.704.518	557.177.655.125
- Các khoản tương đương tiền	530.352.329.520	231.470.000.000
Cộng	893.587.952.067	797.248.819.452

<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Trị giá</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Trị giá</i>
- Đầu tư ngắn hạn		2.902.900.000		85.072.313.628
Cổ phiếu	0	2.902.900.000	0	2.902.900.000
Đầu tư ngắn hạn khác			0	82.169.413.628
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 6 tháng		315.000.000.000		67.000.000.000
<i>- Lý do thay đổi: là do cơ cấu lại danh mục các khoản đầu tư của Công ty</i>				
Cộng	-	317.902.900.000	-	152.072.313.628

<i>Các khoản phải thu khác:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
+ Công ty CII		
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	6.470.833.334	56.470.833.334
Công ty 577	58.190.835.219	25.156.712.329
Công ty CP BOO Nước Đồng Tâm	30.681.044.747	25.500.000.000
Lãi Vốn Chủ DA BOT Cầu Rạch Chiếc (*)	16.425.000.000	10.472.000.000
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	967.365.124	
Cổ tức các khoản đầu tư vào các cty	3.400.000.000	3.400.000.000
Cty CP PT Nhà Thủ đức - DA Tam Tân	0	1.071.319.980
Cty CP Đầu tư XD Tuần Lộc	50.100.000.000	
Phải thu khác	1.366.174.411	1.481.630.748
Cộng Cty CII	-	167.601.252.835

+ Cty CP Đầu tư Cao ốc VP Điện Biên Phủ	-	-
+ Cty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	3.772.524.854	5.460.310.330
Cty HFIC	3.730.866.028	3.730.866.028

Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận Bình Thạnh		1.729.444.302
Phải thu khác	41.658.826	
+ Cty CP Đầu tư & XD Xa lộ Hà nội	360.536.706	1.424.906.849
Cty CP CK Việt Thành	360.536.706	1.424.906.849
+ Cty CP Cơ khí điện Lữ gia	798.939.727	537.697.004
+ Công ty CP Đầu tư XD Cầu đường Bình triệu	-	-
+ Cty CP CII E & C	21.809.370.441	505.062.500
Ban Chỉ Huy Công Trình Cầu Sài Gòn 2	4.401.757.954	
BQLDA đường HCM (PVC gói 22 Năm Căn Đất Mũi)	8.484.886.537	
BQLDA đường HCM (PVC gói 19 Năm Căn Đất Mũi)	7.886.534.809	
Phải thu khác	1.036.191.141	
+ Cty TNHH MTV Dịch vụ TP	3.362.557.106	
Phải thu khác	3.362.557.106	
+ Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận	5.117.279.557	5.136.011.557
Chi phí vốn chủ sở hữu (*)- ngắn hạn	5.117.279.557	5.117.345.756
Phải thu khác		18.665.801
+ Cty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	36.186.076	
Cộng	-	202.858.647.302
		-
		136.616.484.631

Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	37.337.862.656	14.813.435.554
- Công cụ, dụng cụ	92.841.303	117.507.921
- Chi phí SX-KD và đầu tư dở dang	457.888.403.803	407.759.491.788
- Thành phẩm	8.085.506.752	12.379.046.180
- Hàng hóa	430.552.653	383.893.797
Cộng	-	503.835.167.167
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	627.607.572
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	-	503.207.559.595
		435.358.503.473

Các khoản phải thu dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.841.277.860	1.996.077.860
- Lãi vốn chủ DA BOT cầu Rạch Chiếc (*)	-	35.043.873.610
		50.184.873.610

- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	50.000.000.000	
- Lãi vốn chủ DA BOT XLHN (*)	241.847.729.466	179.474.208.675
- Lãi vốn chủ DA tuyến tránh PR-TC (*)	67.803.954.129	71.641.913.796
Cộng	- 396.536.835.065	303.297.073.941

Chi phí vốn chủ sở hữu (*): là lãi cố định được hưởng tính trên số tiền giải ngân cho Dự án BOT. Theo CV hướng dẫn 6070/BTC-CST ngày 15/5/2013, các đơn vị thực hiện dự án đã điều chỉnh chi phí vốn chủ từ Xây dựng cơ bản sang TK phải thu và sẽ thu hồi dần khi DA đi vào khai thác. Chi phí vốn chủ phải thu ngắn hạn là khoản thu trong vòng 12 tháng.

Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số đầu năm	39.869.302.801	67.239.719.269	19.174.732.334	1.095.293.352	81.089.524	127.460.137.280
- Mua trong năm	288.559.085	3.216.839.637	2.498.332.818	321.200.000		6.324.931.540
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán, giảm khác			599.085.714	21.104.470		620.190.184
Số cuối kỳ	40.157.861.886	70.456.558.906	21.073.979.438	1.395.388.882	81.089.524	133.164.878.636
Khấu hao						
Số đầu năm	3.830.180.980	35.129.120.863	11.820.881.174	896.456.738	44.768.199	51.721.407.954
- Khấu hao trong năm	691.214.994	4.038.506.419	1.581.970.066	502.306.038	7.602.147	6.821.599.664
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán, giảm khác			599.085.714			599.085.714
Số cuối kỳ	4.521.395.974	39.167.627.282	12.803.765.526	1.398.762.776	52.370.346	57.943.921.904
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	36.039.121.821	32.110.598.406	7.353.851.160	198.836.614	36.321.325	75.738.729.326
Số cuối kỳ	35.636.465.912	31.288.931.624	8.270.213.912	(3.373.894)	28.719.178	75.220.956.732

<i>V.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty CH	758.331.730.819	744.488.650.642
Trong đó (Những công trình lớn):		
+ Dự án di dời hạ tầng XLHN	1.340.443.579	1.257.443.563
+ Dự án 152 Điện Biên Phủ	67.784.983.310	59.471.559.068
+ Dự án BOT Cần Bình Triệu	524.425.112	524.425.112
+ Dự án liên tỉnh lộ 25B	683.120.099.640	680.294.012.101
+ Di dời đường dây cao thế Bến Thành-Suối Tiên	2.085.900.640	1.800.436.829
+ Di dời tái lập tuyến cấp nước	1.017.219.177	962.260.647
+ Dự án Nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum	28.013.322	28.013.322
+ Dự án Diamond Riverside	18.740.454	150.500.000
+ Dự án khu đô thị Thủ Thiêm quận 2	338.554.909	
+ Dự án BOT Ninh Thuận giai đoạn 2	2.073.350.676	
- Công ty CP XD Hạ tầng CH	2.764.793.986	
- Công ty CP Đầu tư & XD Xa lộ Hà nội	856.222.993.210	615.745.450.218
- Công ty CP Đầu tư Cao Ốc VP Điện Biên Phủ	9.411.123.154	8.736.051.342
- Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	332.652.445	953.899.868.899
- Công ty CP Cơ khí điện Lữ gia		7.908.106.885
- Cty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	144.478.511	
- Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận	12.930.576.459	-
Cộng	1.640.138.348.584	2.330.778.127.986

V.9. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà và quyền sử dụng đất	233.119.709.926	13.759.948.073		246.879.657.999
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.709.507.755	2.835.527.362		10.545.035.117
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
- Nhà và quyền sử dụng đất	225.410.202.171	10.924.420.711		236.334.622.882
- Cơ sở hạ tầng				

V.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
a. Đầu tư vào Cty liên kết		926.173.866.072		645.482.240.408
Cty CP Hòa Phú		32.763.783.355		33.000.000.000
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)		431.542.029.395		293.094.981.514
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil		349.906.546.890		293.289.411.532
Cty CP Đầu tư Cadif		17.471.384.793		15.193.337.135
Cty CP Vận tải bến bãi Sài Gòn		9.330.117.605		8.944.510.227
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		1.960.000.000		1.960.000.000
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		72.450.004.034		
Cty CP Đầu tư Nước Tân Hiệp		10.750.000.000		
<i>Lý do thay đổi: đầu tư thêm hoặc thoái vốn một số danh mục đầu tư</i>				
b. Đầu tư dài hạn khác		874.660.191.854		833.293.774.615
- Đầu tư cổ phiếu		158.795.406.248		109.428.989.009
Công ty CP Đầu tư & PT XD	1.180.000	29.500.000.000	1.180.000	29.500.000.000
Công ty CP 577	5.439.515	129.295.406.248	2.548.600	79.928.989.009
Cổ phiếu SII				
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Hợp tác đầu tư		715.864.785.606		723.864.785.606
Dự án 6,5ha KDC P.Bình An, Q2		14.331.906.973		14.331.906.973
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh		11.319.090.627		19.319.090.627
DA BOT cầu Đồng nai		9.000.000.000		9.000.000.000
DA khu Cỏ Mễ - Cty Vườn Việt		2.165.395.033		2.165.395.033
DA Chung cư Diamond Riverside		458.961.083.081		458.961.083.081
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ		29.700.000.000		29.700.000.000
DA Mê Kông-Tiền Giang		5.000.000.000		5.000.000.000
Cty CP BOO nước Đồng Tâm		185.387.309.892		185.387.309.892
				-
c. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:		-		(39.661.109.009)
Công ty CP 577		-		(39.661.109.009)

Tổng cộng	1.800.834.057.926	1.439.114.906.014
------------------	--------------------------	--------------------------

<i>V.11 Chi phí trả trước dài hạn:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí công cụ dụng cụ	12.398.996.625	16.552.263.552
Chi phí in vé cầu đường	727.077.575	190.036.946
Chi phí phát triển dự án	2.313.571.416	899.933.618
Lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (83.043.257.808	46.599.473.451
Lãi vay dự án B.O.T tuyến tránh PR-TC chờ phân b	45.065.888.899	21.315.199.992
Chi phí phát hành trái phiếu 1000 tỷ VCB	17.328.656.842	20.220.245.317
Chi phí phát hành trái phiếu 650 tỷ Vietinbank	5.542.000.000	
Chi phí phát hành trái phiếu Doanh nghiệp	-	625.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi	22.992.208.882	29.270.826.959
Chi phí khác	221.739.197	62.542.803
Cộng	189.633.397.244	135.735.522.638

(*) Chi phí Lãi vay phát sinh trong thời gian khai thác của Dự án BOT: được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính, chi phí lãi vay dự án phát sinh trong thời gian khai thác sẽ được hạch toán vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu trong kỳ. Chi phí lãi vay còn chưa phân bổ hết sẽ được hạch toán chi phí vào năm thu phí cuối cùng.

<i>V.12 Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay ngắn hạn	303.971.720.463	- 325.401.109.707
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	28.713.808.110	9.002.167.616
Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN II_HCM	268.470.000.000	
Ngân hàng XNK_EXB		295.000.000.000
Vay NH ĐT&PT VN- CN Vĩnh Long	6.695.000.000	
Ngân hàng ACB	92.912.353	
Vay các đối tượng khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	527.764.000.000	807.356.068.909
Cộng	831.735.720.463	1.132.757.178.616

<i>V.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí BH	428.929.890	1.538.758.598,00
- Chi phí bảo lãnh, lãi trái phiếu DN phải trả	55.949.368.036	54.030.842.458,00
- Chi phí bảo lãnh, lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	13.757.357.749	

- Tổng Công ty XD CT GT 5 - CTCP	10.647.252.046	10.671.435.137,00
- Cty CP Đầu tư Tài chính TP Hồ Chí Minh	3.005.358.445	624.646.968,00
- Cổ tức, lãi trái phiếu phải trả	1.419.723.010	1.836.549.910,00
- Lãi vay phải trả chưa đến hạn thanh toán	8.402.128.278	10.301.102.361,00
- Chi phí duy tu chưa thanh toán	8.706.918.460	3.580.573.060,00
- Cty CP Đầu tư VPII	53.961.382.286	30.646.646.488,00
- Công ty CP Tư vấn và Kiểm định xây dựng	1.846.405.049	
- Ông Lê Quốc Bình	40.000.000.000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.728.207.673	13.550.208.725,00
Cộng	204.853.030.922	126.780.763.705,00

12.b Dự phòng khoản phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng chi phí phải trả cho Nhà đầu tư Nước ngoài	48.534.083.235	48.534.083.235
Cộng	48.534.083.235	48.534.083.235

V.14 Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay Ngân hàng	1.476.080.000.000	1.685.644.359.493
<i>Công ty CII</i>	1.008.879.000.000	1.279.540.348.380
Ngân hàng TMCP XNK VN	280.000.000.000	49.687.500.000
Ngân hàng Công thương - CN 11	728.879.000.000	952.858.125.690
Ngân hàng Hàng Hải		276.994.722.690
<i>Công ty CP Đầu tư & PT XD Ninh Thuận</i>	393.000.000.000	405.499.999.901
Ngân hàng Công thương - CN 11	393.000.000.000	405.499.999.901
<i>Cty CP Cơ khí điện Lữ gia</i>	74.201.000.000	-
Ngân hàng TMCP XNK VN	74.201.000.000	
<i>Cty CP Xây dựng hạ tầng CII E & C</i>	-	604.011.212
Công ty cho thuê TC Ngân hàng Á Châu - ACB	-	604.011.212
- Trái phiếu phát hành	3.399.270.000.000	2.413.879.000.000
Trái phiếu thông thường	1.421.000.000.000	1.500.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.978.270.000.000	913.879.000.000
- Vay đối tượng khác	259.138.687.183	290.533.473.477
Cộng	5.134.488.687.183	4.390.056.832.970

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trong vòng một năm	527.764.000.000	807.356.068.909
Trong năm thứ hai	1.307.766.000.000	1.140.971.912.353
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.876.820.000.000	2.441.728.851.708
Sau năm năm	422.138.687.183	
	5.134.488.687.183	4.390.056.832.970
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	527.764.000.000	807.356.068.909
Số phải trả sau 12 tháng	4.606.724.687.183	3.582.700.764.061

V.15 *Vốn chủ sở hữu*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2			5	5	6
Số đầu năm trước	1.128.015.000.000	85.030.956.796	(143.061.459.596)	-	75.762.318.818	330.776.067.666	1.476.522.883.684
- Tăng vốn trong năm	600.000.000						600.000.000
- Lãi trong năm nay						86.072.512.724	86.072.512.724
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước				170.383.450	20.831.248.046	42.551.383.748	63.553.015.244
- Tăng khác		20.278.957.465				1.897.068.133	22.176.025.598
- Giảm khi điều chỉnh xác định LTTM LGC						22.341.494.115	22.341.494.115
- Chi trả cổ tức năm 2013						45.120.600.000	45.120.600.000
- Điều chỉnh thu lại P đã chia							-
- Giảm khác			(143.061.459.596)			8.178.910.555	(134.882.549.041)
Số dư đầu năm	1.128.615.000.000	105.309.914.261	-	170.383.450	96.593.566.864	300.553.260.105	1.631.242.124.680
- Tăng vốn trong năm nay	26.655.000.000						26.655.000.000
- Lãi trong năm nay						244.675.184.085	244.675.184.085
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước				633.547.148	4.303.625.636	9.955.433.393	14.892.606.177
- Tăng khác						2.128.433.396	2.128.433.396
- Chi trả cổ tức						135.361.800.000	135.361.800.000
- Giảm khác						110.619.757	110.619.757
Số cuối kỳ	1.155.270.000.000	105.309.914.261	-	803.930.598	100.897.192.500	401.929.024.436	1.764.210.061.795

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - + Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - + Cổ phiếu phổ thông

<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
115.593.000	112.927.500
115.527.000	112.861.500
115.527.000	112.861.500
115.527.000	112.801.500
115.527.000	112.801.500

Quý 3

Lũy kế từ 01/01 đến 30/09

VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	222.944.367.772	397.600.956.941	1.651.408.122.463	570.228.885.837
Trong đó:				
- Doanh thu hợp đồng BT	-		1.010.530.973.114	
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dv	23.589.907.939	13.017.433.723	49.093.378.855	37.632.365.046
- Doanh thu thu phí và thanh lý hợp đồng BOT	133.029.896.363	252.241.152.280	393.559.619.079	357.568.265.232
- Doanh thu hoạt động xây lắp, thi công	44.196.941.488	124.245.024.650	144.442.810.930	142.802.980.547
- Doanh thu kinh doanh căn hộ	9.491.429.640	3.944.378.851	15.891.068.698	19.124.103.860
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	12.636.192.342	4.152.967.437	37.890.271.787	13.101.171.152
Cộng	222.944.367.772	397.600.956.941	1.651.408.122.463	570.228.885.837
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>5.248.986.726</i>	<i>6.200.206.343</i>	<i>13.965.815.238</i>	<i>7.129.822.009</i>
- Hàng bị trả lại	-	2.289.130.326		2.346.079.326
- Giảm giá hàng bán	684.666.837	-	939.855.571	0
- Giảm trừ doanh thu vốn chủ dự án B.O.T	4.564.319.889	3.911.076.017	13.025.959.667	4.783.742.683
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	217.695.381.046	391.400.750.598	1.637.442.307.225	563.099.063.828
VI.2. Giá vốn hàng bán				
- Giá vốn của hợp đồng BT	-		1.010.680.677.811	
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.313.362.796	7.750.186.572	44.263.554.947	27.415.065.376
- Giá vốn của hoạt động Thu phí	22.511.458.619	14.909.960.492	66.361.866.930	27.818.826.353
- Giá vốn của hoạt động xây dựng, thi công	34.715.023.522	109.603.555.068	99.060.012.493	124.656.366.116
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh căn hộ	7.972.800.896	1.516.252.099	13.360.197.710	14.560.646.322
- Giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ	7.879.071.923	2.995.402.929	24.897.008.682	8.035.037.861

Cộng	94.391.717.756	136.775.357.160	1.258.623.318.573	202.485.942.028
VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.302.283.992	8.571.395.491	37.172.121.583	48.997.917.965
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.160.000.000	-	16.293.145.462	25.990.362.555
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	86.076.425.814	84.690.041.901	214.324.350.344	153.794.743.511
Cộng	108.538.709.806	93.261.437.392	267.789.617.389	228.783.024.031
VI.4. Chi phí tài chính				
- Lãi tiền vay	40.973.785.123	54.173.929.492	155.325.909.165	125.342.982.104
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(12.658.675.289)	11.153.670.000	(37.456.813.435)	13.703.670.000
- Chi phí tài chính khác	11.094.315.431	36.334.369.387	37.606.530.844	69.286.713.048
Cộng	39.409.425.265	101.661.968.879	155.475.626.574	208.333.365.152

VI.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014		Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	
	Hoạt động được hưởng ưu đãi	Hoạt động khác	Hoạt động được hưởng ưu đãi	Hoạt động khác
Thu nhập tính thuế (*)	40.585.080.267	213.467.885.037	60.011.182.708	88.465.243.501
Thuế suất thông thường	10%	22% , 20%	10%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.021.701.360	46.902.310.823	3.154.153.363	29.233.723.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	2.690.058.804	-	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm (**)	-	-	1.586.918.385	404.576.554
Thuế TNDN còn phải nộp	1.331.642.556	46.902.310.823	1.567.234.977	28.829.146.592
Tổng cộng thuế TNDN phải nộp	48.233.953.379		30.396.381.569	

(*) Thu nhập tính thuế hợp nhất được tính trên cơ sở cộng dồn Thu nhập tính thuế của các đơn vị gồm: Công ty Mẹ và các công ty con, không tính bù trừ giữa các đơn vị với nhau.

(**) Năm 2014, Công ty CP Đầu tư và XD Cầu đường Bình triệu và công ty CP Đầu tư và phát triển XD Ninh Thuận tiếp tục được hưởng ưu đãi miễn, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động thu phí tại Cầu Bình Triệu; và thu phí tuyến tránh Phan rang-Tháp chàm

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.1 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

1- Phải thu các Công ty Liên kết	30/09/2014 (VNĐ)	01/01/2014 (VNĐ)
I Công ty Cổ phần BOO nước Đồng Tâm:		
Lãi trái phiếu doanh nghiệp	5.181.044.747	
Mệnh giá trái phiếu đã đến hạn	25.500.000.000	25.500.000.000
Cộng	30.681.044.747	25.500.000.000
2- Các khoản trả trước cho Công ty Liên kết: không có		
3- Các khoản phải trả các Công ty Liên kết	30/09/2014 (VNĐ)	01/01/2014 (VNĐ)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (SII)		
Phải trả từ chuyển nhượng các dự án Phi ngành nước	272.670.714.696	
Cộng	272.670.714.696	272.670.714.696
		272.682.047.223

4- Các giao dịch phát sinh		Từ 01/01/2014
Đối tượng	Nội dung giao dịch	Mối quan hệ
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	chi trả cổ tức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	chi trả cổ tức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Đầu tư góp thêm vốn cổ phần	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch	Đầu tư vốn	Công ty liên kết
	Đầu tư vốn	Công ty liên kết
	Chuyen nhượng vốn	Công ty liên kết
	Lãi bảo toàn vốn chủ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (SII)	Mua lại cổ phiếu phát hành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Mua thêm cổ phiếu tăng tỷ lệ quyền biểu quyết	Công ty liên kết
5- Các giao dịch với người có liên quan		
Ông Lê Quốc Bình	Phải trả Ông Bình	Tổng giám đốc

đến 30/09/2014

815.640.000

3.459.863.014

3.375.000.000

10.750.000.000

80.613.760.600

14.925.000.000

967.365.124

133.941.192.353

15.592.500.000

40.000.000.000

VII.2 Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Lũy kế từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VNĐ)	Lũy kế từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VNĐ)
Lương	5.057.497.382	4.234.330.973
Thu nhập khác	3.832.230.799	4.503.591.914
Cộng	8.889.728.181	8.737.922.887

VII.3 Sự kiện khác trong niên độ:

VII.4 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không có

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 10 năm 2014

[Signature]

[Signature]



NG.T.MAI HƯƠNG

LÊ QUỐC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
KỸ THUẬT TP.HCM

50 Tôn Thất Dạm, Quận 1, Tp.HCM
ĐT: 39141 904 Fax: 39141 910

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 120 /2014/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2014

V/v: giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh hợp nhất quý 3/2014 như sau:

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 105 tỷ đồng tăng 44,79% so với cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận sau thuế (LNST) của cổ đông Công ty Mẹ kỳ này đạt 70,86 tỷ đồng, tăng 35,67% so với mức 52,22 tỷ đồng đạt được quý 3/2013. Kết quả quý 3/2014 đạt được vượt trội do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu thu phí giao thông tăng so với cùng kỳ năm trước góp phần tăng lợi nhuận của đơn vị.
- Trong kỳ, công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, trong khi cùng kỳ năm trước công ty phát sinh khoản chi phí tài chính do lập dự phòng.
- Ngoài ra, thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị về việc giảm tỷ lệ sở hữu của CII tại công ty cổ phần đầu tư cầu đường CII (Công ty CII Bridges and Roads, mã chứng khoán là LGC), công ty CII đã hoàn tất chuyển nhượng, thu về lợi nhuận đáng kể cho công ty.

Chi tiết về báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2014 của Công ty CII, vui lòng xem tại website: www.cii.com.vn.

Trân trọng.



LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT